

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo quyết định số 3410/2011/QĐ-VIB ngày 22/09/2011 của Tổng Giám đốc đã được sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 3550/2011/QĐ-VIB ngày 04/10/2011 của Tổng Giám Đốc)



DỊCH VỤ TÍN DỤNG

Dịch vụ tín dụng khác

Phí cấp hạn mức tín dụng dự phòng 0.35%/quý/hạn mức được cấp

Phí trả nợ trước hạn

Trường hợp LS tại thời điểm trả nợ trước hạn thấp hơn LS tại thời điểm nhận nợ (là LS tại thời điểm nhận nợ hoặc thời điểm thay đổi LS gần nhất) Số tiền trả nợ trước hạn * số ngày còn lại của khoản vay * (Chênh lệch LS tại thời điểm nhận nợ và LS tại thời điểm trả nợ trước hạn)/360

Trường hợp LS tại thời điểm trả nợ trước hạn cao hơn LS tại thời điểm nhận nợ (là LS tại thời điểm nhận nợ hoặc thời điểm thay đổi LS gần nhất) 0.1% * số tiền trả nợ trước hạn và ≥ 200.000 VND/khế ước nhận nợ

Dịch vụ khác

Phí nhập hồ sơ TSBĐ Miễn phí

Phí xuất hồ sơ TSBĐ Miễn phí

Phí mượn hồ sơ TSBĐ

Giấy tờ có giá của VIB Miễn phí

Bất động sản, xe ô tô TT 400.000 VND/tài sản

Tài sản khác TT 200.000 VND/tài sản

Phí thay đổi TSBĐ

Giấy tờ có giá của VIB Miễn phí

Bất động sản, xe ô tô TT 400.000 VND/tài sản

Tài sản khác TT 200.000 VND/tài sản

Phí cấp bản sao giấy tờ TSBĐ

Bản sao đăng ký xe 20.000 VND/bản

Sao giấy tờ khác 50.000 VND/bản

Phí phát hành cam kết thanh toán

(áp dụng đối với sản phẩm cho vay mua ô tô) 100.000 VND/bản

Ghi chú:

- TT : tối thiểu
- Biểu phí trên đã bao gồm VAT trừ biểu phí dịch vụ tín dụng không có VAT
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng hàng yêu cầu hủy giao dịch
- Phí được thu từng lần ngay khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc tùy theo tính chất của loại dịch vụ đó
- Biểu phí này có thể thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của VIB trong từng thời kỳ